

Số: 345/TB-CNTĐ-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc tuyển dụng bổ sung giảng viên cơ hữu
Năm học 2023 – 2024

Căn cứ Kế hoạch số 344/KH-CNTĐ-TCHC ngày 24 tháng 05 năm 2024 của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức về việc tuyển dụng bổ sung giảng viên cơ hữu – Năm học 2023 – 2024;

Căn cứ nhu cầu thực tế của nhà trường, Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức thông báo tuyển dụng bổ sung giảng viên cơ hữu – Năm học 2023 – 2024, cụ thể như sau:

I. VỊ TRÍ, SỐ LƯỢNG CẦN TUYỂN DỤNG:

STT	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Số lượng	Ghi chú
1	Giảng viên ngành Tiếng Trung Quốc	Tốt nghiệp Cử nhân trở lên chuyên ngành: Trung văn, Ngôn ngữ Trung Quốc	01	

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Điều kiện chung:

Người ký kết hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động và pháp luật chuyên ngành;
- Có đủ sức khỏe để làm việc;
- Có lý lịch được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;
- Có khả năng đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm;
- Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ hoặc đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; không trong thời gian bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan đến công việc ký kết hợp đồng;
- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành

và theo tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;

h) Đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể:

Phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH, cụ thể:

– Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;

– Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

– Nắm vững kiến thức của ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn sản xuất, dịch vụ của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

– Nắm vững mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động của ngành, nghề được phân công giảng dạy và kế hoạch đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo;

– Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết theo yêu cầu vị trí việc làm;

– Sử dụng có hiệu quả và an toàn các phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học; biết ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả giảng dạy, chất lượng đào tạo; biết chế tạo, cải tiến phương tiện dạy học, trang thiết bị dạy học;

– Có hiểu biết cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; có khả năng tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy.

**Lưu ý: Ưu tiên người dự tuyển có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học. Người dự tuyển xem nội dung cụ thể tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này về bảng quy đổi trình độ ngoại ngữ, tin học.*

3. Đối tượng ưu tiên và điểm ưu tiên trong tuyển dụng:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thực hành.

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực

lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thực hành.

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thực hành.

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: được cộng 1,5 điểm vào kết quả điểm thực hành.

Lưu ý: Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thực hành.

III. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ;

2. Bản sao công chứng Căn cước công dân;

3. Bản sao công chứng của các văn bằng chuyên môn, bảng điểm kết quả học tập toàn khóa. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và đã được Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tính pháp lý của văn bằng;

4. Bản sao chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

5. Chứng chỉ tin học, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);

6. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Lưu ý: Trường hợp người dự tuyển có hành vi gian lận hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức sẽ hủy kết quả tuyển dụng, công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị và không tiếp nhận hồ sơ dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

IV. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

1. Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển

2. Nội dung tuyển dụng và thời gian:

a) Nội dung và thời gian kiểm tra: kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, cụ thể:

– Vị trí việc làm Giảng viên: được giao đề thực hành giảng thử từ 3-5 ngày, thực hiện 1 giờ giảng (45 phút đối với môn lý thuyết, 60 phút đối với môn thực hành)

b) Thang điểm: 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thực hành giảng thử, thực hành nghiệp vụ.

3. Xác định người trúng tuyển:

3.1. Người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thực hành đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm thực hành cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chi tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

3.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thực hành cộng với điểm ưu tiên

(nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thực hành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Hiệu trưởng quyết định người trúng tuyển.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian nộp hồ sơ: Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển từ ngày ra thông báo đến 11h ngày 01/06/2024 (thứ 7).

2. Địa điểm nộp hồ sơ:

– Ứng viên nộp trực tiếp theo địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính (Phòng D01-04) – Số 53, Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Ứng viên thường xuyên theo dõi các thông báo trên Mục Thông tin tuyển dụng của nhà trường thông qua website: <https://tdc.edu.vn> hoặc qua số điện thoại: 028.38966825.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (đề báo cáo);
- Các đơn vị (phối hợp thực hiện);
- Ứng viên dự tuyển;
- Đăng Website;
- Lưu: TCHC (S).



HIỆU TRƯỞNG

Võ Long Triều

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC
VÀ DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Kèm theo Thông báo số: 345/TB-CNTĐ-TCHC ngày 24 tháng 05 năm 2024
của Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức)

1. TIÊU CHUẨN VỀ TIN HỌC:

- Căn cứ Công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận “*bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 mô đun)*”.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/08/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: “*Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản*”.

- Căn cứ Công văn số 6078/BGDĐT-GDTEX ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: “*Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phôi chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và các khóa đào tạo được tổ chức trước ngày 10/08/2016 (thời điểm Thông tư 17 có hiệu lực thi hành) cần nhanh chóng kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ cho học viên, đảm bảo quyền lợi của người học*”. Vậy chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.

- Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 (có hiệu lực 03 năm) của Bộ Thông tin và truyền thông công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định: “*Công nhận chứng chỉ ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation (gồm 05 mô-đun Computer Essentials, Online Essentials, Word Processing, Spreadsheets, Presentation) đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014*”.

2. TIÊU CHUẨN VỀ NGOẠI NGỮ:

2.1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A,



B, C;

- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;

- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;

- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GD'TX ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC; công văn số 3755/BGDĐT-GD'TX ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 03 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Việc quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh								
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	TOEFL PBT/ITP	TOEFL CBT	TOEFL iBT	TOEIC 4 kỹ năng		
							Listening & Reading	Speaking	Writing
Bậc 1	Trình độ A	Trình độ A1	A1				120-220	50	30
Bậc 2	Trình độ B	Trình độ A2	A2	360-449		30	225-445	70-90	50-70
Bậc 3	Trình độ C	Trình độ B1	B1	450-499	133	31-45	450-595	100-130	90-120
Bậc 4		Trình độ B2	B2	500-589	173	46-93	600-845	140-160	130-150
Bậc 5		Trình độ C1	C1	590-649		94-109	850-940	170-180	160-180
Bậc 6		Trình độ C2	C2	650-677		110-120	945-990	190	190

Khung NLNN 6 bậc VN		Aptis ESOL
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh (tt)				
	Cambridge English	IELTS	BEC	BULATS	PTE General
Bậc 1					246
Bậc 2	KET	4		20	381
Bậc 3	PET	4.5-5	Busmess Preliminary	40	450
Bậc 4	FCE	5.5-6.5	Business Vantage	60	600
Bậc 5	CAE	7-7.5	Business Higher	75	850
Bậc 6	CPE	8-9		90	910

2.2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ khác:

Căn cứ bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	A1	TEU	DELTA A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N5	Topik I-L1
Bậc 2	A2	TBU	DELTA A2	A2	HSK cấp 2		Topik I-L2
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELTA B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N4	Topik II-L3



Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT-BGDĐT)	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 4	B2	TRKI 2	DELFI B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N3	Topik II-L4

3. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÉP TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC:

- Thông báo số 144/TB-QLCL ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin và các đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (đính kèm thông báo);

- Thông báo 1098/TB-QLCL ngày 07 tháng 07 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam và chứng chỉ năng lực Tiếng Việt theo Khung năng lực Tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đính kèm thông báo).